ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3061 /QĐ-UBND	*Hưng Yên, ngày 29 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 46/2026/QH16 ngày 24/8/2026 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026-2035;

Căn cứ Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 989/TTr-SNNMT ngày 25/9/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030.

Điều 2. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành liên quan và UBND các xã

1. Các sở, ban, ngành được giao phụ trách các nội dung tiêu chí: Căn cứ văn bản hướng dẫn của các bộ, cơ quan trung ương, ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện đối với các nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030 trong thời gian 30 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định này đảm bảo phù hợp với từng nhóm xã và theo quy định; chịu trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, thẩm tra, đánh giá kết quả thực hiện các nội dung tiêu chí nông thôn mới.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và các cơ quan liên quan hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các địa phương triển khai thực hiện Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030; tham mưu tổ chức thực hiện việc thẩm định, xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân các xã: Căn cứ Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030 và hướng dẫn của các sở, ban, ngành, tổ chức rà soát, xác định hiện trạng từng tiêu chí, nội dung tiêu chí trên địa bàn; xây dựng kế hoạch thực hiện Bộ tiêu chí phù hợp với điều kiện thực tế và lộ trình thực hiện xây dựng nông thôn mới của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp phát sinh vướng mắc hoặc cần điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với thực tiễn và các quy định có liên quan, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành được giao phụ trách các nội dung tiêu chí và Ủy ban nhân dân các xã tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, điều chỉnh, bổ sung phù hợp với quy định và điều kiện thực tế trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Trưởng Thống kê tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các Tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT2(T.Tuấn).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Lại Văn Hoàn

Phụ lục

BỘ TIÊU CHÍ VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HƯNG YÊN GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo quyết định số /QĐ- UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu tiêu chí		Cơ quan phụ trách
			Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xã hoặc quy hoạch đô thị được phê duyệt[1], được công bố công khai đúng thời hạn và ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch	Đạt	Đạt	Sở Xây dựng
		1.2. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới	Có quy hoạch chi tiết hoặc quy hoạch phân khu (nếu có) được phê duyệt	Có quy hoạch chi tiết hoặc quy hoạch phân khu (nếu có) được phê duyệt	
		1.3. Có quy chế quản lý kiến trúc được phê duyệt hoặc được tích hợp trong quy hoạch chung xã	Đạt	Đạt	
2	Hạ tầng kinh tế - xã hội	2.1. Hệ thống đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo kết nối và được bảo trì hàng năm; tỷ lệ đường xã đạt chuẩn theo quy hoạch đạt 100%, tỷ lệ đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường đạt ≥50%; đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa	- Bảo đảm kết nối giao thông được thực hiện theo quy định; - Tỷ lệ đường xã được đầu tư xây dựng hoặc nâng cấp cải tạo đạt chuẩn quy hoạch được duyệt, phù hợp với tốc độ đô thị hóa đạt 100%; - Tỷ lệ đường xã đạt cấp kỹ thuật đường đô thị theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13592:2022 Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế đạt 100%; - Tỷ lệ chiều dài đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường đạt ≥50%; - Tỷ lệ đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa (bê tông hóa hoặc nhựa hóa) đạt 100%;	- Bảo đảm kết nối giao thông được thực hiện theo quy định; - Tỷ lệ đường xã được đầu tư xây dựng hoặc nâng cấp cải tạo đạt chuẩn quy hoạch được duyệt đạt 100%; - Tỷ lệ đường xã có cấp kỹ thuật tối thiểu đạt cấp B theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10380:2014 Đường giao thông nông thôn – Yêu cầu thiết kế; bảo đảm có đủ các công trình hạ tầng kỹ thuật cần thiết theo quy định đạt 100%; - Tỷ lệ chiều dài đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường đạt ≥50%;	Sở Xây dựng

1 Quy hoạch phải đáp ứng các yêu cầu về thực hiện bố trí ổn định dân cư (áp dụng đối với các xã có nhu cầu cần bố trí, sắp xếp ổn định cho các đối tượng thuộc các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự to, khu rừng đặc dụng; hình thức bố trí: tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ).

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu tiêu chí		Cơ quan phụ trách
			Xã nhóm 1	**Xã nhóm 2**	
			- Tỷ lệ đường giao thông nông thôn trên địa bàn được tổ chức thực hiện công tác bảo trì hàng năm đạt 100%.	- Tỷ lệ đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa (bê tông hóa hoặc nhựa hóa) đạt ≥90%; - Tỷ lệ đường giao thông nông thôn trên địa bàn được tổ chức thực hiện công tác bảo trì hàng năm đạt 100%.	
		2.2. Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hàng năm, đảm bảo diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	- Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hàng năm; - Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt ≥90%; có áp dụng công nghệ tiên tiến, phù hợp với phát triển nông nghiệp đô thị.	- Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hàng năm; - Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt ≥85%; có áp dụng các biện pháp tưới tiết kiệm đối với cây trồng chủ lực.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		2.3. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Tốt	Khá	
		2.4. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	≥99%		Sở Công thương
		2.5. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Có chợ đạt chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm theo quy định hoặc có siêu thị hạng 3 trở lên.	Có chợ đạt tiêu chí theo quy định và đáp ứng các yêu cầu chung theo tiêu chuẩn đánh giá chợ kinh doanh thực phẩm hoặc có chợ đạt tiêu chí theo quy định và chợ có ít nhất 01 khu vực kinh doanh đáp ứng yêu cầu đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm tại chợ hoặc có siêu thị mini trở lên.	
		2.6. Có hạ tầng viễn thông đảm bảo phủ sóng, internet đến 100% khu dân cư nông thôn, vùng sản xuất	Đạt	Đạt	Sở Khoa học và Công nghệ
3		3.1. Tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người	≥9,5%		Thống kê tỉnh

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu tiêu chí		Cơ quan phụ trách
			Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	
	Phát triển kinh tế nông thôn	3.2. Vùng nguyên liệu tập trung đối với cây trồng, vật nuôi chủ lực của xã được chứng nhận chất lượng, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		3.3. Có mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả	≥03 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc ≥01 mô hình kinh tế xanh hoặc kinh tế tuần hoàn hiệu quả.	≥02 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc ≥01 mô hình kinh tế xanh hoặc kinh tế tuần hoàn hiệu quả.	
		3.4. Có kế hoạch và thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP gắn với đặc trưng, thế mạnh của địa phương	- Có kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP giai đoạn 2026 – 2030; - Có ít nhất 01 sản phẩm OCOP 4 sao trở lên còn thời hạn, hoặc có ít nhất 02 sản phẩm OCOP 3 sao còn thời hạn và có lộ trình cụ thể trong kế hoạch để phát triển ít nhất 01 sản phẩm OCOP 4 sao trở lên; - Tỷ lệ chủ thể là các Hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa; tỷ lệ phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật (nếu có) điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh duy trì bằng kết quả ở thời điểm ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đánh giá.		
		3.5. Các mô hình du lịch nông thôn (nếu có) trong quy hoạch chung xã được đầu tư hạ tầng đồng bộ kết nối và hoạt động hiệu quả gắn với đặc trưng của địa phương	Mô hình du lịch nông thôn (nếu có) đáp ứng các yêu cầu sau: - 100% điểm du lịch nông thôn trên địa bàn xã được công nhận là điểm du lịch hoặc là điểm du lịch cộng đồng hoặc được công nhận là sản phẩm OCOP; - Có sự tăng trưởng về quy mô lượng khách du lịch hằng năm (trong 02 năm trước liền kề năm đánh giá).		
		3.6. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả	Có tối thiểu 01 hợp tác xã đạt các yêu cầu sau: - Tổ chức, hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã hiện hành; - Kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính của hợp tác xã trong 02 năm liên tiếp liền kề trước năm được đề nghị xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; - Có tối thiểu 01 loại sản phẩm, dịch vụ cung ứng cho thành viên chính thức phù hợp với từng loại hình hợp tác xã; - Có quy mô thành viên tối thiểu là 10 thành viên; số lượng thành viên trong 02 năm liên tiếp liền kề trước năm được đề nghị xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới tăng tối thiểu 5%/năm (hoặc 10 thành viên/năm).		Sở Tài chính
		3.7. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	Không quy định	≥01	Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu tiêu chí		Cơ quan phụ trách
			Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	
		3.8. Tỷ lệ hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi theo quy định	≥60%	≥50%	Hội Nông dân tỉnh
		3.9. Có hoạt động phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn gắn với tạo việc làm, thu nhập cho người lao động địa phương	- Xây dựng kế hoạch và triển khai hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn hoặc tổ chức triển khai hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn theo nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao; - Số lượng doanh nghiệp, hộ kinh doanh thành lập mới tăng trung bình từ 10%/năm trở lên trong 02 năm liên tiếp liền kề trước năm được đề nghị xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; - Số lao động tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại doanh nghiệp, hộ kinh doanh tăng từ 6% trở lên so với năm trước năm được đề nghị xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.	- Xây dựng kế hoạch và triển khai hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn hoặc tổ chức triển khai hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn theo nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao; - Số lượng doanh nghiệp, hộ kinh doanh thành lập mới tăng trung bình từ 10%/năm trở lên trong 02 năm liên tiếp liền kề trước năm được đề nghị xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; - Số lao động tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại doanh nghiệp, hộ kinh doanh tăng từ 5% trở lên so với năm trước năm được đề nghị xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.	Sở Tài chính
		3.10. Có khu công nghiệp hoặc cụm công nghiệp hoặc làng nghề được công nhận hoặc khu vực sản xuất dịch vụ quy mô phù hợp được quy hoạch, đầu tư xây dựng đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật	≥01		- Sở Tài chính phụ trách nội dung khu công nghiệp. - Sở Công thương phụ trách nội dung cụm công nghiệp. - Sở Nông nghiệp và Môi trường phụ trách nội dung làng nghề và nội dung khu vực sản xuất dịch vụ.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu tiêu chí		Cơ quan phụ trách
			Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	
4	Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn	4.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	≥40%	≥35%	Sở Nội vụ
		4.2. Tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông	≥60%	≥50%	Sở Giáo dục và Đào tạo
5	Văn hóa, Giáo dục, Y tế	5.1. Xã đạt tiêu chí về phát triển văn hóa	Đảm bảo đạt yêu cầu về: (1) Cơ sở vật chất văn hóa, (2) Hoạt động văn hóa cơ sở, (3) Xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, (4) Di sản văn hóa, (5) Chuyển đổi số, dữ liệu số, (6) Nhân lực quản lý văn hóa.		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
		5.2. Xã đạt tiêu chí về phát triển giáo dục	- Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học, có cấp học cao nhất là trung học cơ sở) đạt chuẩn quốc gia đạt 100%; - Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; - Duy trì, nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi; - Giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở; - Tỷ lệ người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông và tương đương đạt ≥95%; - Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông và các trình độ khác đạt ≥90%; - Có trung tâm học tập cộng đồng và được nâng cấp thành trung tâm học tập số; - Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.	- Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học, có cấp học cao nhất là trung học cơ sở) đạt chuẩn quốc gia đạt ≥90%; - Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; - Duy trì, nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi; - Giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở; - Tỷ lệ người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông và tương đương đạt ≥85%; - Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông và các trình độ khác đạt ≥85%; - Có trung tâm học tập cộng đồng và được nâng cấp thành trung tâm học tập số; - Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.	Sở Giáo dục và Đào tạo
		5.3. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt	Sở Y tế
		5.4. Trạm y tế xã theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm cung ứng dịch vụ cơ bản, thiết yếu về	Đạt	Đạt	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu tiêu chí		Cơ quan phụ trách
			Xã nhóm 1	**Xã nhóm 2**	
		phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh và các dịch vụ chăm sóc xã hội			
6	Giảm nghèo và An sinh xã hội	6.1. Tỷ lệ nghèo đa chiều	≤1%	≤1,5%	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		6.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố	≥95%	≥85%	Sở Xây dựng
		6.3. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	≥95% Trong đó: tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ công trình cấp nước tập trung đạt ≥80%.	≥90% Trong đó: tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ công trình cấp nước tập trung đạt ≥70%.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		6.4. Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn "5 không, 3 sạch, 3 an"[2]	Đạt	Đạt	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh
		6.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới	- Có cán bộ nữ trong Ban Thường vụ Đảng ủy hoặc có ít nhất 01 nữ lãnh đạo ở cấp xã; tỷ lệ quy hoạch cấp ủy và các chức danh lãnh đạo, quản lý là nữ ở cấp xã giai đoạn 2026-2030 đạt ≥ 25%; - Các mô hình phát triển kinh tế ở nông thôn (hợp tác xã, dự án giảm nghèo, mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực...) có tỷ lệ phụ nữ tham gia ≥40%; - Mỗi quý có ít nhất 4 tin, bài về bình đẳng giới trên hệ thống thông tin cơ sở và lịch đăng tải/phát sóng được lưu đầy đủ; - Có ít nhất 1 nơi tạm lánh hỗ trợ người bị bạo lực trên cơ sở giới, bạo lực gia đình ở cấp xã, do địa phương bố trí ở địa điểm phù hợp; - Không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn.		Sở Nội vụ
		6.6. Có hoạt động phòng, chống xâm hại trẻ em; chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có)	Đạt	Đạt	Sở Y tế
			Trong đó: tỷ lệ số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp đạt ≥90%		
		6.7. Đảm bảo an toàn thực phẩm	- Tỷ lệ hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm đạt 100%; - Không xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn.		Sở Nông nghiệp và Môi trường

[2] 3 an: an toàn – an tâm – an sinh.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu tiêu chí		Cơ quan phụ trách
			Xã nhóm 1	**Xã nhóm 2**	
7	Khoa học công nghệ và Chuyển đổi số	7.1. Điểm bưu chính phục vụ công cộng và chính quyền số tại địa bàn	Đạt	Đạt	Sở Khoa học và Công nghệ
		7.2. Tỷ lệ số hóa dữ liệu về nông nghiệp và môi trường	- Tỷ lệ hồ sơ công việc về nông nghiệp và môi trường của xã (tại xã) được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ (dùng cho cá nhân, tổ chức) để giải quyết công việc đạt ≥95%; - Tỷ lệ hồ sơ, tài liệu công việc về nông nghiệp và môi trường phát sinh mới được tạo lập và xử lý trên môi trường điện tử đạt 100%; hoàn thành số hóa tài liệu lưu trữ; - Tỷ lệ thủ tục hành chính về nông nghiệp và môi trường cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên tổng số thủ tục hành chính về nông nghiệp và môi trường của xã đạt 100%; - Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử về nông nghiệp và môi trường của xã đạt ≥95%; - Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa về nông nghiệp và môi trường của xã đạt ≥95%.	- Tỷ lệ hồ sơ công việc về nông nghiệp và môi trường của xã (tại xã) được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ (dùng cho cá nhân, tổ chức) để giải quyết công việc đạt ≥85%; - Tỷ lệ hồ sơ, tài liệu công việc về nông nghiệp và môi trường phát sinh mới được tạo lập và xử lý trên môi trường điện tử đạt 100%; hoàn thành số hóa tài liệu lưu trữ; - Tỷ lệ thủ tục hành chính về nông nghiệp và môi trường cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên tổng số thủ tục hành chính về nông nghiệp và môi trường của xã đạt 100%; - Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử về nông nghiệp và môi trường của xã đạt ≥85%; - Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa về nông nghiệp và môi trường của xã đạt ≥85%.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		7.3. Triển khai hiệu quả hoạt động thương mại điện tử	Đạt	Đạt	Sở Công thương
		7.4. Có mô hình thôn thông minh	≥01 mô hình	≥01 mô hình	Sở Khoa học và Công nghệ

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu tiêu chí		Cơ quan phụ trách
			Xã nhóm 1	**Xã nhóm 2**	
8	Môi trường và cảnh quan nông thôn	8.1. Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (nếu có) trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý đạt ≥80%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp ≤50% tổng lượng chất thải rắn phát sinh	- Có hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (nếu có) trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; - Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý đạt 100%; - Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp ≤20% tổng lượng chất thải rắn phát sinh.	- Có hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (nếu có) trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; - Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý đạt ≥90%; - Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp ≤30% tổng lượng chất thải rắn phát sinh.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		8.2. Tỷ lệ chất thải chăn nuôi, chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, xử lý, tái chế thành sản phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu, phân bón	100%	≥90%	
		8.3. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ[3], làng nghề (nếu có) theo quy hoạch và tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường	100%	100%	
		8.4. Có phương án và thực hiện phương án phù hợp về thoát nước, thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường	- Có phương án thoát nước mặt và thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phù hợp với địa hình và khu dân cư; có giải pháp xây dựng công trình và phi công trình nhằm giảm thiểu ngập úng và ô nhiễm môi trường; - Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng các biện pháp phù hợp (phi tập trung) đạt ≥50%; - Có ít nhất 01 công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp kỹ thuật phù hợp, nước thải đầu ra đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.	- Có phương án thoát nước mặt và thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phù hợp với địa hình và khu dân cư; có giải pháp xây dựng công trình và phi công trình nhằm giảm thiểu ngập úng và ô nhiễm môi trường; - Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng các biện pháp phù hợp (phi tập trung) đạt ≥50%.	Sở Xây dựng

[3] Bao gồm cả cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, chế biến nông lâm thủy sản.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu tiêu chí		Cơ quan phụ trách
			Xã nhóm 1	**Xã nhóm 2**	
		8.5. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; có mô hình cải tạo, phục hồi cảnh quan, xử lý chất lượng nước mặt ao hồ, kênh mương trên địa bàn	- Tỷ lệ số km đường xã, liên xã, đường trục thôn, liên thôn (ở nơi có điều kiện) được trồng cây xanh bóng mát, cây cảnh, hoa hoặc thảm cỏ đạt ≥80%; các khu vực công cộng trồng cây xanh (chỉ tiêu đất cây xanh công cộng trong đơn vị ở tối thiểu đạt 2 m^2/người); - Tỷ lệ số km kênh, mương (nếu có) được vệ sinh, nạo vét, khơi thông dòng chảy, phát quang đạt 100% và tỷ lệ số km kênh, mương (nếu có) được kè bờ đạt ≥80%; không có hiện tượng tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung và rác thải kênh, mương thoát nước; đường trục thôn, liên thôn được trang bị thùng đựng rác hoặc bố trí điểm tập kết rác hợp lý; - Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện cải tạo vườn tạp, chỉnh trang hàng rào bằng cây xanh (hoặc các loại hàng rào khác nhưng có phủ cây xanh) đạt ≥80%; - Tỷ lệ hệ thống thoát nước được xây dựng đảm bảo an toàn cho người dân theo quy định đạt 100%; các khu vực, công trình công cộng có nguy cơ xảy ra tai nạn thương tích, được cảnh báo và thực hiện các biện pháp quản lý; có kế hoạch và thực hiện kế hoạch vệ sinh môi trường thường xuyên, định kỳ.	- Tỷ lệ số km đường xã, liên xã, đường trục thôn, liên thôn (ở nơi có điều kiện) được trồng cây xanh bóng mát, cây cảnh, hoa hoặc thảm cỏ đạt ≥70%; các khu vực công cộng trồng cây xanh (chỉ tiêu đất cây xanh công cộng trong đơn vị ở tối thiểu đạt 2 m^2/người); - Tỷ lệ số km kênh, mương (nếu có) được vệ sinh, nạo vét, khơi thông dòng chảy, phát quang đạt 100% và tỷ lệ số km kênh, mương (nếu có) được kè bờ đạt ≥70%; không có hiện tượng tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung và rác thải kênh, mương thoát nước; đường trục thôn, liên thôn được trang bị thùng đựng rác hoặc bố trí điểm tập kết rác hợp lý; - Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện cải tạo vườn tạp, chỉnh trang hàng rào bằng cây xanh (hoặc các loại hàng rào khác nhưng có phủ cây xanh) đạt ≥70%; - Tỷ lệ hệ thống thoát nước được xây dựng đảm bảo an toàn cho người dân theo quy định đạt 100%; các khu vực, công trình công cộng có nguy cơ xảy ra tai nạn thương tích, được cảnh báo và thực hiện các biện pháp quản lý; có kế hoạch và thực hiện kế hoạch vệ sinh môi trường thường xuyên, định kỳ.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
9			Đạt	Đạt	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu tiêu chí		Cơ quan phụ trách
			Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	
	Xây dựng hệ thống chính trị và Hành chính công	9.1. Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Sử dụng kết quả đánh giá, xếp loại của năm trước liền kề năm xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới		Sở Nông nghiệp và Môi trường
		9.2. Trung tâm phục vụ hành chính công hoạt động hiệu quả, tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt ≥90%	Đạt	Đạt	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh
10	Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng	10.1. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	Đạt	Đạt	Sở Tư pháp
		10.2. An ninh, trật tự được bảo đảm; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phát huy hiệu quả, đảm bảo số lượng, chất lượng, điều kiện hoạt động	Đạt	Đạt	Công an tỉnh
		10.3. Có hệ thống camera AI giám sát an ninh trên địa bàn toàn xã	Đạt	Đạt	
		10.4. Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Đạt	Đạt	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh